TOÀ ÁN ND HUYỆN NGA SƠN **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 29-9-2020
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGA SƠN, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Tạ Văn Tuyển.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Quốc Văn; ông Trần Văn Hà.

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Thư - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 172/2020/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2020 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 9 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 43/2020/QĐST-HNGĐ ngày 25/9/2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Mai Thị Th, sinh năm 1975; địa chỉ: Thôn B, xã H, huyện N, tỉnh T; có mặt.

- *Bị đơn*: Anh Đặng Văn T, sinh năm 1974; địa chỉ: Thôn 7, xã Th, huyện N, tỉnh T; vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 29 tháng 7 năm 2020 và trong quá giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Mai Thị Th trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Đặng Văn T kết hôn ngày 18/7/1997, trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân xã G, huyện N, tỉnh T. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống nên chung sống không hạnh phúc, hay cãi vả, làm cho không khí gia đình căng thẳng, ảnh hưởng đến tâm lý của con cái, vợ chồng không có tiếng nói chung để cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc. Do mâu thuẫn trầm trọng, chị và anh T

đã sống ly thân kể từ tháng 12/2013 cho đến nay, vợ chồng không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay chị xét thấy không thể kéo dài cuộc hôn nhân này, nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đặng Văn T theo quy định pháp luật.

Về con chung: Vợ chồng chị có 03 con chung là Đặng Văn T1- sinh ngày 13/5/1998; Đặng Thị Th- sinh ngày 05/02/2001 và Đặng Văn T2 -sinh ngày 24/02/2003. Hiện tại cháu T1 và cháu Th đã trưởng thành nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, cháu T2 đang ở với chị. Chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đặng Văn T2; không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: Chị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Đặng Văn T, sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, cũng như các văn bản tố tụng khác theo quy định của pháp luật. Nhưng anh T cố tình vắng mặt nên không có lời khai trong hồ sơ vụ án.

Tại phiên kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải anh Tác vắng mặt nên việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ chỉ tiến hành được với nguyên đơn, đồng thời Tòa án không tiến hành hòa giải được. Vì vậy, Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử theo quy định pháp luật.

Vụ án có liên quan đến người chưa thành niên nên Tòa án tiến hành thu thập tài liệu chứng cứ để xác định nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp theo quy định tại khoản 3 Điều 208 BLTTDS.

Tại phiên tòa hôm nay, chị Th vẫn giữ nguyên quan điểm là được ly hôn với anh T; yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Đặng Văn T2 và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung; về tài sản chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do anh T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất nên Hội đồng xét xử (HĐXX) đã ra quyết định hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay, anh T vẫn vắng mặt không vì lý do bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, nên HĐXX quyết định xét xử vắng mặt anh T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 BLTTDS.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nga Sơn phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Thẩm phán, HĐXX, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn chấp hành các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật; bị đơn không chấp hành các quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Mai Thị Th, cho chị Th được ly hôn anh Đặng Văn T; về con: giao cháu Đặng Văn T2, sinh

ngày 24/02/2003 cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng; anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung; về án phí: Chị Th phải chịu án phí DSST về việc ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến trình bày của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự: Chị Mai Thị Th có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa giải quyết việc ly hôn giữa chị và anh Đặng Văn T. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

[2] Về hôn nhân: Chị Mai Thị Th và anh Đặng Văn T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Theo chị Th trình bày thì sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống nên chung sống không hạnh phúc, hay cãi vả, làm cho không khí gia đình căng thẳng, ảnh hưởng đến tâm lý của con cái, vợ chồng không có tiếng nói chung để cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc. Do mâu thuẫn trầm trọng, chị và anh T đã sống ly thân kể từ tháng 12/2013 cho đến nay, vợ chồng không còn quan tâm gì đến nhau nữa.

Tại biên bản xác minh ngày 14/8/2020, đại diện thôn 7, xã Th cho biết anh T thường đi làm ăn, đi rồi lại về, có thể do vợ chồng hay xa nhau nên tình cảm dần phai nhạt. Việc anh T đi làm ăn, không có trách nhiệm gì với gia đình vợ con.

HĐXX thấy cuộc hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, cần giải quyết cho chị Th được ly hôn anh T là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Vợ chồng chị có 03 con chung là Đặng Văn T1 - sinh ngày 13/5/1998; Đặng Thị Th - sinh ngày 05/02/2001và Đặng Văn T2 -sinh ngày 24/02/2003. Hiện tại, cháu T1 và cháu Th đã trưởng thành nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, cháu T2 đang ở với chị. Chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đặng Văn T2; không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét đề nghị của chị Th được trực tiếp nuôi cháu Đặng Văn T2 là chính đáng. Thực tế chị Th đang trực tiếp nuôi cháu T2, cháu T2 có nguyện vọng được ở với mẹ. Để tránh xáo trộn cuộc sống học tập cũng như sinh hoạt của cháu nên giao cháu Đặng Văn T2 cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp quy định pháp luật.

Về mức cấp dưỡng: Chị Th không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung, nên miễn xét.

[4] Về tài sản: Chị Th không yêu cầu giải quyết về tài sản, nên miễn xét.

[5] Về án phí: Chị Mai Thị Th phải chịu án phí DSST về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 BLTTDS; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Mai Thị Th, cho chị Th được ly hôn anh Đặng Văn T.

2. Về con: Giao cháu Đặng Văn T2 - sinh ngày 24/02/2003 cho chị Mai Thị Th trực tiếp nuôi dưỡng, anh Đặng Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị Th không yêu cầu. Anh T có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Mai Thị Th phải chịu án phí DSST về việc ly hôn là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí DSST đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí toà án số AA/2019/0010832 ngày 29/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nga Sơn, chị Th đã nộp đủ án phí DSST.

Về quyền kháng cáo: Chị Th có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS huyện Nga Sơn;
- VKSND huyện Nga Sơn;
- UBND xã G;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Tạ Văn Tuyển